

Số: 34 /2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành "Quy chế quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước.

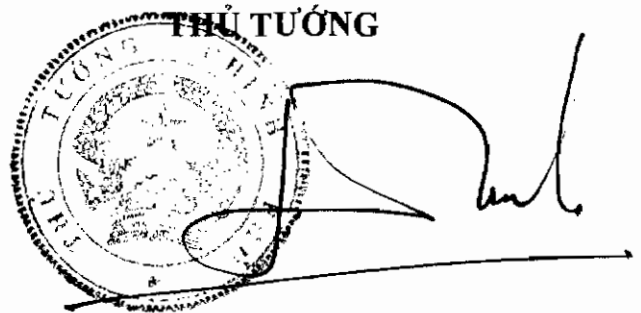
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2010. Các quy định trước đây về quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra các đơn vị dự trữ nhà nước trực thuộc trong quá trình thực hiện Quy chế này. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). M 290

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
Quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2010/QĐ-TTg
ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước về: danh mục, chủng loại xăng dầu; tổ chức quản lý; kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước; nhập, xuất, luân phiên đổi hàng; quy hoạch hệ thống kho; bảo quản; quản lý tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức quản lý và điều hành hoạt động dự trữ nhà nước về xăng dầu.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Xăng dầu dự trữ nhà nước phải được quản lý chặt chẽ về số lượng và chất lượng, bảo đảm bí mật, an toàn; đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu sử dụng trong mọi tình huống.

2. Xăng dầu dự trữ nhà nước phải được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

Chương II
TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ DANH MỤC XĂNG DẦU
DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

Điều 4. Tổ chức quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Thủ tướng Chính phủ điều hành tập trung, thống nhất việc tổ chức quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước; phân công các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước.

2. Cơ quan dự trữ nhà nước về xăng dầu bao gồm: các Bộ, ngành được giao nhiệm vụ quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước theo phân công của Chính phủ.

Điều 5. Danh mục xăng dầu dự trữ nhà nước

Danh mục xăng dầu dự trữ nhà nước bao gồm:

1. Xăng dùng cho các loại động cơ.
2. Dầu Diesel.
3. Nhiên liệu dùng cho máy bay dân dụng.
4. Nhiên liệu dùng cho máy bay quân sự.
5. Dầu thô.
6. Các loại xăng dầu dự trữ nhà nước khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương III KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước đối với xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho dự trữ xăng dầu thuộc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Trên cơ sở đó gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 7 hàng năm để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Nội dung kế hoạch dự trữ nhà nước về xăng dầu:

a) Kế hoạch nhập, xuất xăng dầu dự trữ nhà nước hàng năm bao gồm số lượng và giá trị từng mặt hàng về: mức dự trữ tồn kho đầu kỳ kế hoạch; nhập, xuất trong kỳ kế hoạch và tồn kho cuối kỳ kế hoạch (Phụ lục I ban hành kèm theo quyết định này).

b) Kế hoạch tăng xăng dầu dự trữ nhà nước bao gồm số lượng và giá trị các mặt hàng nhập tăng trong năm kế hoạch, nhập để bù đắp phần đã xuất sử dụng theo các Quyết định của cấp có thẩm quyền, nhập dôi thừa trong quá trình bảo quản và các trường hợp nhập khác (Phụ lục II ban hành kèm theo quyết định này).

c) Kế hoạch giảm xăng dầu dự trữ nhà nước bao gồm số lượng và giá trị các mặt hàng do: thay đổi danh mục hàng dự trữ; hao hụt trong định mức và các nguyên nhân khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền (Phụ lục III ban hành kèm theo quyết định này).

d) Kế hoạch luân phiên đổi xăng dầu dự trữ nhà nước: căn cứ tiêu chuẩn, chất lượng xăng dầu, thời hạn lưu kho theo quy định, hàng năm các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước lập kế hoạch xuất bán hàng cũ, nhập hàng mới theo quy định.

Trường hợp phải thay đổi quy cách, ký mã hiệu mặt hàng nhập mới so với mặt hàng đến hạn xuất luân phiên đổi hàng thì Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước chủ trì thống nhất với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Trường hợp phải thay đổi danh mục mặt hàng so với kế hoạch thì Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định (Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này).

3. Dự toán ngân sách nhà nước: căn cứ kế hoạch dự trữ nhà nước về xăng dầu quy định tại khoản 2 Điều này, hàng năm các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước lập dự toán ngân sách về dự trữ Nhà nước, trên cơ sở đó tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của Bộ, ngành gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước đối với xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Hàng năm, căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch và dự toán ngân sách, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được giao nhiệm vụ quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước, giao kế hoạch, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự trữ trực thuộc và tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện.

2. Căn cứ vào kế hoạch và dự toán ngân sách được giao, Tổng cục Dự trữ Nhà nước ký hợp đồng thuê bảo quản với các đơn vị dự trữ xăng dầu thuộc Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước và có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện hợp đồng thuê bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV NHẬP, XUẤT XĂNG DẦU DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

Điều 8. Nguyên tắc nhập, xuất xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Phải đảm bảo an toàn đối với xăng dầu dự trữ nhà nước, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu, nhiệm vụ được Chính phủ giao.

2. Đúng kế hoạch được giao, đúng quyết định của cấp có thẩm quyền.
3. Đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, giá cả, đối tượng, thời gian, địa điểm quy định.
4. Có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo chế độ quản lý tài chính và quy phạm bảo quản hiện hành.

Điều 9. Phương thức mua, bán xăng dầu dự trữ nhà nước

Phương thức mua, bán xăng dầu dự trữ nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 24, Pháp lệnh Dự trữ quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Nhập tăng

Hàng năm các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước thực hiện nhập xăng dầu dự trữ nhà nước theo đúng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định hiện hành.

Điều 11. Nhập, xuất luân phiên đổi hàng

1. Hàng năm các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước thực hiện việc luân phiên đổi hàng xăng dầu dự trữ nhà nước theo đúng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước được giao. Đồng thời báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện.

Việc thực hiện kế hoạch nhập, xuất luân phiên đổi hàng xăng dầu dự trữ nhà nước phải bảo đảm mức dự trữ tồn kho theo quy định của pháp luật.

2. Việc nhập, xuất luân phiên đổi hàng theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia.

Điều 12. Nhập, xuất trong các trường hợp khác

1. Nhập, xuất xăng dầu dự trữ trong các trường hợp đột xuất: các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước thực hiện nhập, xuất theo đúng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nhập, xuất xăng dầu dự trữ trong các trường hợp khác: thực hiện theo quy định hiện hành về nhập, xuất hàng dự trữ nhà nước.

Điều 13. Điều chuyển nội bộ

1. Trường hợp cần phải bảo đảm an toàn xăng dầu dự trữ nhà nước, phù hợp với điều kiện về kho tàng và công tác bảo quản, Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước lập phương án điều chuyển nội bộ và thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện.

2. Trường hợp khẩn cấp phải di chuyển ngay hàng dự trữ ra khỏi vùng bị thiên tai, hỏa hoạn, không an toàn hoặc do yêu cầu cấp bách để sẵn sàng ứng cứu, phục vụ cho các nhiệm vụ đột xuất, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước chỉ đạo các đơn vị dự trữ tổ chức thực hiện ngay việc di dời để bảo đảm an toàn tài sản, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Sau khi hoàn thành phải báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp kiểm tra, giải quyết các vấn đề phát sinh.

3. Trường hợp phải điều chuyển nội bộ xăng dầu dự trữ nhà nước theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để kiểm kê, bàn giao, thanh tra, điều tra, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước quyết định sau khi có ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính.

Chương V

KHO XĂNG DẦU DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

Điều 14. Hệ thống kho xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng quy hoạch chi tiết hệ thống kho xăng dầu dự trữ nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

2. Xăng dầu dự trữ nhà nước phải được bảo quản tại những điểm kho có bồn, bể được ghi số hiệu đăng ký với cơ quan quản lý cấp trên; có đủ hồ sơ theo dõi số lượng và giá trị từng bồn, bể. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước xác định địa điểm kho bảo quản xăng dầu dự trữ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, định kỳ báo cáo Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cần di chuyển địa điểm kho xăng dầu dự trữ nhà nước theo quy hoạch, kế hoạch để bảo đảm hàng hoá được an toàn, phù hợp các điều kiện về kho và bảo quản, Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước lập phương án di chuyển và thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản trước khi ra quyết định di chuyển.

Điều 15. Xây dựng, bảo vệ kho xăng dầu dự trữ nhà nước

Xây dựng kho xăng dầu dự trữ nhà nước phải tuân thủ quy hoạch tổng thể hệ thống kho xăng dầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo quản tiên tiến; có đầy đủ trang thiết bị, phương tiện cần thiết cho việc thực hiện quy trình nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy; kho phải được tổ chức bảo vệ chặt chẽ, an toàn, bí mật.

Chương VI BẢO QUẢN XĂNG DẦU DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

Điều 16. Nguyên tắc bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Xăng dầu dự trữ nhà nước phải được để đúng kho, địa điểm quy định tại Điều 15 Quy chế này; có đủ hồ sơ ghi rõ số lượng, giá trị và diễn biến trong quá trình nhập, xuất, bảo quản (phiếu kiểm nghiệm, sổ theo dõi bảo quản). Đơn vị trực tiếp bảo quản xăng dầu dự trữ phải thực hiện đúng Quy chuẩn kỹ thuật bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước chỉ đạo các đơn vị trực tiếp quản lý xăng dầu tổ chức kiểm tra thường xuyên việc bảo vệ, bảo quản; phát hiện, ngăn ngừa những vi phạm quy chuẩn kỹ thuật bảo quản và những quy định về bảo vệ an toàn số lượng, chất lượng xăng dầu dự trữ nhà nước.

Điều 17. Thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước tổ chức xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước, thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước do Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước xây dựng.

3. Bộ Tài chính ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo quản xăng dầu sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Thẩm quyền xây dựng, ban hành định mức bảo quản và định mức hao hụt xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước có trách nhiệm xây dựng định mức bảo quản và định mức hao hụt xăng dầu gửi Bộ Tài chính để ban hành.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành định mức bảo quản và định mức hao hụt xăng dầu do Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước xây dựng.

Điều 19. Trách nhiệm bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc bảo quản, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý những vi phạm pháp luật về bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chỉ đạo theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước theo đúng quy trình quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật bảo quản xăng dầu dự trữ nhà nước.

Chương VII **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH** **VỀ XĂNG DẦU DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC**

Điều 20. Chế độ quản lý tài chính, ngân sách

1. Các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước và các đơn vị dự trữ trực thuộc phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước về dự trữ xăng dầu.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho dự trữ nhà nước về xăng dầu gồm:

a) Mua xăng dầu dự trữ nhà nước theo kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước bao gồm: vốn để mua tăng, mua bù, mua bổ sung hàng năm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Chi quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước gồm: chi phí thực hiện nhập, xuất, mua, bán, bảo quản. Chi phí cho nhập, xuất, mua, bán và bảo quản được thực hiện theo chế độ khoán. Nội dung chi phí, giao dự toán, cấp phát thực hiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được giao Bộ Tài chính có trách nhiệm đảm bảo tiến độ cấp phát vốn mua cho các đơn vị được giao quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước để thực hiện nhập xăng dầu. Hồ sơ, thủ tục cấp phát thực hiện theo quy định của pháp luật.

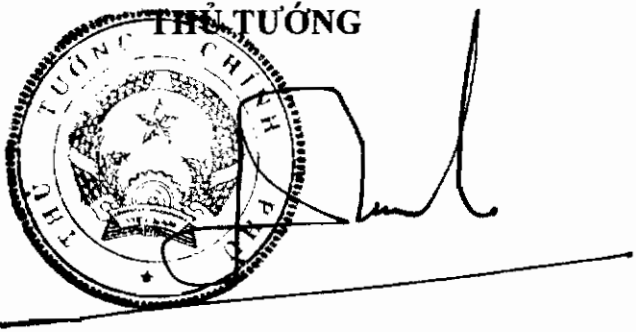
Điều 21. Quản lý giá, phí trong mua, bán xăng dầu dự trữ nhà nước

Quản lý giá mua, giá bán xăng dầu dự trữ nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia.

Điều 22. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán Nhà nước, chế độ báo cáo

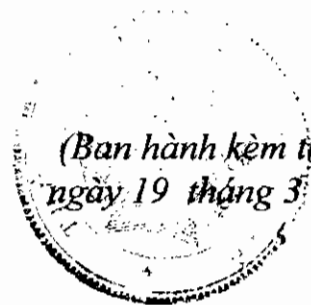
Các Bộ, ngành quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước có trách nhiệm thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán Nhà nước quy định tại Điều 19 Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (Phụ lục V, VI kèm theo Quyết định này)/.

THỦ TƯỚNG

The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the text 'THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ' around the perimeter. A handwritten signature in black ink is written over the seal. Below the seal and signature is a horizontal line.

Nguyễn Tấn Dũng

www.LuatVietnam.vn



Phụ lục I
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2010/QĐ -TTg
ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

CƠ QUAN DỰ TRỮ.....

KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NHẬP, XUẤT HÀNG DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC NĂM

Đơn vị tính giá trị: Triệu đồng

Số TT	Tên hàng	Quy cách	Đơn vị tính số lượng	Mức dự trữ Chính phủ duyệt	Ước tồn kho đến 31/12 năm báo cáo		Nhập						Xuất						Tồn kho đến 31/12 năm kế hoạch	
					Số lượng	Thành tiền	Tổng số		Trong đó				Tổng số		Trong đó				Số lượng	Thành tiền
							Số lượng	Thành tiền	Tăng		Luân phiên đổi hàng		Số lượng	Thành tiền	Giảm		Luân phiên đổi hàng			
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Cộng:																				

Ngày.... tháng.... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phụ lục III
Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2010/QĐ - TTg
ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

CƠ QUAN DỰ TRỮ.....

KẾ HOẠCH GIẢM HÀNG DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC NĂM

Đơn vị tính giá trị: Triệu đồng

Số TT	Tên hàng	Quy cách	Đơn vị tính số lượng	Năm báo cáo				Năm kế hoạch		Ghi chú
				Kế hoạch được duyệt		Ước thực hiện		Số lượng	Thành tiền	
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	THÀNH TIỀN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cộng:									

Ngày.... tháng.... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phụ lục IV

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2010/QĐ - TTg
ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

CƠ QUAN DỰ TRỮ.....

KẾ HOẠCH LUÂN PHIÊN ĐỔI HÀNG DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC NĂM

Đơn vị tính giá trị: Triệu đồng

<i>Số TT</i>	<i>Tên hàng</i>	<i>Quy cách</i>	<i>Đơn vị tính số lượng</i>	<i>Năm báo cáo</i>				<i>Năm kế hoạch</i>		<i>Ghi chú</i>
				<i>Kế hoạch được duyệt</i>		<i>Ước thực hiện</i>		<i>Số lượng</i>	<i>Thành tiền</i>	
				<i>Số lượng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Số lượng</i>	<i>THÀNH TIỀN</i>			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	I/- Nhập:									
	<i>Cộng:</i>									
	II/- Xuất:									
	<i>Cộng:</i>									

Ngày.... tháng.... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phụ lục V

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2010/QĐ - TTg
ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

CƠ QUAN DỰ TRỮ.....

Thời gian nộp báo cáo

- Quý: chậm nhất là 25 ngày sau khi hết quý.
- Năm: chậm nhất là 30 ngày sau khi hết năm.

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP, XUẤT, TỒN KHO HÀNG DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo (quý, năm)

Đơn vị tính giá trị: Triệu đồng

Số TT	TỶ HƯNG quy cách	Đơn vị tính số lượng	Tồn kho đầu năm		Nhập				Xuất				Tồn kho cuối kỳ		
					Kỳ này		Lũy kế		Kỳ này		Lũy kế				
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT.

Ngày.... tháng.... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phụ lục VI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2010/QĐ -TTg
ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

CƠ QUAN DỰ TRỮ.....

Thời gian nộp báo cáo

- Quý: chậm nhất là 25 ngày sau khi hết quý.
- Năm: chậm nhất là 30 ngày sau khi hết năm.

BÁO CÁO CHI TIẾT NHẬP, XUẤT, TỒN KHO HÀNG DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC
Kỳ báo cáo (quý, năm)

Đơn vị tính giá trị: Triệu đồng

Số TT	Tên hàng, quy cách, địa điểm	Đơn vị tính số lượng	Nước sản xuất	Đơn vị bảo quản	Tồn kho đầu kỳ	Nhập					Xuất					Tồn kho cuối kỳ	Ghi chú		
						Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
							Mua tăng	Đổi hàng	Điều chuyển	Đổi thừa		Khác	Không thu tiền	Bán đổi hàng	Điều chuyển			Hao hụt	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Ngày.... tháng.... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT.